

Thực trạng liên thông từ giáo dục nghề nghiệp lên giáo dục đại học

Nguyễn Ngọc Ánh^{*1}, Phạm Ngọc Dương²,
Nguyễn Hoàng Giang³, Nguyễn Đức Ca⁴,
Hoàng Thị Minh Anh⁵, Nguyễn Lệ Hằng⁶,
Nguyễn Thị Hương Trà⁷

* Tác giả liên hệ

¹ Email: anhnn@vnies.edu.vn

² Email: duongpn@vnies.edu.vn

³ Email: giangnh@vnies.edu.vn

⁴ Email: cand@vnies.edu.vn

⁵ Email: anhhtm@vnies.edu.vn

⁶ Email: hangnl@vnies.edu.vn

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

106 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,

Hà Nội, Việt Nam

⁷ Email: nthtra@cea.udn.vn

Đại học Đà Nẵng

41 Lê Duẩn, quận Hải Châu

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

TÓM TẮT: Bài viết trình bày các khái niệm về liên thông trong giáo dục nghề nghiệp và liên thông trong giáo dục đại học, các điểm tương đồng và khác biệt giữa hai phân hệ này trong các văn bản pháp lý hiện hành. Nghiên cứu đã tìm hiểu hoạt động đào tạo liên thông của 224 cơ sở giáo dục đại học qua khảo sát các thông tin cung cấp trên các trang thông tin điện tử và khảo sát trực tuyến về thực trạng hoạt động đào tạo liên thông từ giáo dục nghề nghiệp lên giáo dục đại học của 50 cơ sở giáo dục đại học. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự cần thiết của đào tạo liên thông, nhu cầu tuyển sinh đào tạo liên thông đang tăng dần và hình thức đào tạo liên thông vừa học vừa làm được người học quan tâm. Tuy nhiên, một trong các khó khăn, bất cập khi triển khai đào tạo liên thông là việc xác định và công nhận giá trị chuyển đổi hoặc kết quả học tập được miễn trừ của người có nguyện vọng tham gia đào tạo liên thông. Bài viết đề xuất cần có nghiên cứu sâu hơn nhằm đánh giá tác động của chính sách liên thông từ giáo dục nghề nghiệp lên giáo dục đại học trong thực tiễn làm cơ sở để xuất xây dựng chính sách phù hợp, đáp ứng được nhu cầu học tập suốt đời của mọi người và thỏa mãn các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục.

TỪ KHÓA: Liên thông, đào tạo liên thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, xây dựng chính sách.

→ Nhận bài 27/6/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 07/7/2023 → Duyệt đăng 15/10/2023.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12311004>

1. Đặt vấn đề

Liên thông trong giáo dục đào tạo đang là một nhu cầu thực tế và cũng là chủ trương của ngành Giáo dục và Đào tạo. Các nghiên cứu trước đây cũng cho thấy vai trò, ý nghĩa thiết thực của việc liên thông từ giáo dục nghề nghiệp lên giáo dục đại học là tạo cơ hội thuận lợi cho người lao động có thể phát triển nghề nghiệp, góp phần đào tạo đội ngũ lao động có trình độ theo yêu cầu của thị trường lao động. Loại hình liên thông giữa giáo dục và đào tạo nghề và giáo dục đại học được tiến hành trên nhiều quốc gia, đặc biệt là ở các nước phát triển. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy việc kết hợp giữa giáo dục, đào tạo nghề và chuyên môn có thể mang lại lợi ích cho người học cũng như toàn bộ nền kinh tế.

Theo Luật Giáo dục năm 2019 [1], quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động giáo dục là: “Phát triển hệ thống giáo dục mở, xây dựng xã hội học tập nhằm tạo cơ hội để mọi người được tiếp cận giáo dục, được học tập ở mọi trình độ, mọi hình thức, học tập suốt đời” (Điều 4). Hệ thống giáo dục quốc dân là hệ thống giáo dục mở, liên thông gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên (Điều 6). Theo đó: “Việc liên thông trong giáo dục phải đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng” (Điều 10).

Tuy nhiên, cách thức đào tạo liên thông còn mới ở Việt Nam, các cơ quan quản lý và các cơ sở đào tạo đều chưa có nhiều kinh nghiệm, một số chính sách được ban hành đã bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế và hiệu quả thực hiện không cao [2].

Trong khi nhu cầu của người học là rất lớn thì khả năng đáp ứng của các cơ sở đào tạo liên thông vẫn còn có hạn. Các hoạt động tổ chức đào tạo liên thông chủ yếu chỉ diễn ra bên trong các cơ sở đào tạo, thiếu tính liên kết giữa các trường, với các doanh nghiệp, người sử dụng lao động. Do vậy, việc nghiên cứu về thực trạng hoạt động đào tạo liên thông từ chương trình giáo dục nghề nghiệp lên chương trình giáo dục đại học để đưa ra các bằng chứng cho việc đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả, nhằm phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo liên thông từ chương trình giáo dục nghề nghiệp lên chương trình giáo dục đại học, đáp ứng nhu cầu nhân lực quốc gia là cấp thiết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Mục tiêu

Với mục tiêu nghiên cứu thực trạng hoạt động đào tạo liên thông từ giáo dục nghề nghiệp lên các chương

trình giáo dục đại học, nội dung nghiên cứu liên quan đến việc tổ chức đào tạo liên thông trong phạm vi các ngành đào tạo, chương trình đào tạo định hướng ứng dụng từ bậc học cao đẳng trong giáo dục nghề nghiệp lên giáo dục đại học. Do hạn chế về nguồn lực và do bối cảnh dịch bệnh COVID-19, nghiên cứu tập trung vào khảo sát trang thông tin điện tử của các cơ sở giáo dục đại học và khảo sát trực tuyến (online) với các cơ sở giáo dục đại học có tổ chức đào tạo liên thông từ giáo dục nghề nghiệp lên các chương trình giáo dục đại học.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Với cách tiếp cận hệ thống, tiếp cận phát triển, tiếp cận thực tiễn, nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, các văn bản pháp quy; khảo sát trang thông tin điện tử của các cơ sở giáo dục đại học và khảo sát trực tuyến với các cơ sở giáo dục đại học liên quan đến hoạt động đào tạo liên thông. Ngoài ra, phần mềm thống kê SPSS cũng được sử dụng để xử lý dữ liệu trong nghiên cứu.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Một số khái niệm cơ bản

Theo Điều 6, Luật Giáo dục 2019 [1], hệ thống giáo dục quốc dân là hệ thống giáo dục mở, liên thông gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên.

Liên thông trong giáo dục là việc sử dụng kết quả học tập đã có để học tiếp ở các cấp học, trình độ khác cùng ngành, nghề đào tạo hoặc khi chuyển sang ngành, nghề đào tạo, hình thức giáo dục và trình độ đào tạo khác phù hợp với yêu cầu nội dung tương ứng, bảo đảm liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo trong giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

Việc liên thông trong giáo dục phải đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng. Chương trình giáo dục được thiết kế theo hướng kế thừa, tích hợp kiến thức và kỹ năng dựa trên chuẩn đầu ra của từng bậc trình độ đào tạo trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Người học không phải học lại kiến thức và kỹ năng đã tích lũy ở các chương trình giáo dục trước đó (Điều 10, Luật Giáo dục 2019).

Mục đích của liên thông là tạo cơ hội học tập cho người học và phát triển ngành, nghề phù hợp với nhu cầu xã hội, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả trong đào tạo và đảm bảo công bằng trong giáo dục.

Hoạt động đào tạo liên thông là biện pháp tổ chức đào tạo trong đó người học được sử dụng kết quả học tập đã có để học tiếp ở trình độ cao hơn cùng ngành đào tạo hoặc khi chuyển sang ngành đào tạo hay trình độ đào tạo khác.

Liên thông trong giáo dục đại học là biện pháp tổ chức đào tạo trong đó người học sử dụng kết quả học tập đã có để học tiếp ở trình độ cao hơn cùng ngành đào tạo hoặc khi chuyển sang ngành đào tạo hay trình độ đào tạo khác [3].

Theo Chương IV, Luật Giáo dục Đại học, hoạt động đào tạo bao gồm việc: mở ngành, chuyên ngành đào tạo; chỉ tiêu tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh; thời gian đào tạo; chương trình, giáo trình giáo dục đại học; tổ chức và quản lý đào tạo; văn bằng giáo dục đại học [3].

Quy định về đào tạo liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học: Quyết định 18/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2017 quy định về đào tạo liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học hình thức chính quy và hình thức vừa làm vừa học [4].

Khoản 2, Điều 2, Quyết định 18/2017/QĐ-TTg quy định, các cơ sở giáo dục đại học chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và quyết định công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông đối với từng người học, trên cơ sở đối chiếu, so sánh về chuẩn đầu ra, nội dung chương trình đào tạo, khối lượng học tập, phương pháp đánh giá và kết quả học tập của người học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng với chương trình đào tạo đại học hiện hành của cơ sở giáo dục đại học.

Phân loại giáo dục theo tiêu chuẩn quốc tế (ISCED 2011) là khung tiêu chuẩn do UNESCO sử dụng để phân loại và báo cáo thống kê giáo dục so sánh xuyên quốc gia. Các nước đã vận dụng ISCED nhận được nhiều lợi ích như: chuẩn hóa hệ thống giáo dục phù hợp với xu thế chung của thế giới, mở rộng quá trình chuyển đổi văn bằng, di chuyển người học và người lao động, tăng cường hợp tác quốc tế trong giáo dục...

Trong hệ thống giáo dục Việt Nam hiện nay, giáo dục nghề nghiệp được tách hẳn ra khỏi giáo dục đại học theo Luật Giáo dục nghề nghiệp. Giáo dục đại học giảm thời gian học và cũng phân thành ba hướng nghiên cứu, ứng dụng và thực hành. Bước đầu hệ thống đã có đối chiếu và tương thích với ISCED 2011. Tuy nhiên, trình độ cao đẳng lại có tương thích với ISCED 5 (giáo dục bậc ba/đại học ngắn hạn). Trong khi đó, bậc Cao đẳng đang không thuộc giáo dục đại học.

UNESCO định nghĩa ISCED 5 là “chương trình giáo dục đại học ngắn, thường theo định hướng nghề nghiệp - ứng dụng và chuẩn bị để gia nhập thị trường lao động. Đây cũng là giai đoạn đầu để học tiếp các chương trình giáo dục đại học khác”. Theo phân loại giáo dục theo tiêu chuẩn quốc tế (ISCED 2011), giáo dục nghề nghiệp hòa lẫn, tích hợp, liên thông trong giáo dục phổ thông và giáo dục đại học, không tách riêng biệt như ở Việt Nam [5].

2.3.2. Thực trạng các hoạt động đào tạo liên thông từ giáo dục nghề nghiệp lên giáo dục đại học ở các cơ sở giáo dục đại học

Để tìm hiểu các hoạt động đào tạo liên thông từ giáo dục nghề nghiệp lên giáo dục đại học được thực hiện như thế nào ở các cơ sở giáo dục đại học, nhóm nghiên cứu đã tiến hành: 1) Rà soát các văn bản pháp quy liên

quan đến việc tổ chức thực hiện hoạt động đào tạo liên thông tại các cơ sở giáo dục đại học; 2) Khảo sát trang thông tin điện tử của các cơ sở giáo dục đại học về thực hiện hoạt động đào tạo liên thông; 3) Khảo sát thực trạng thực hiện hoạt động đào tạo liên thông ở các cơ sở giáo dục đại học bằng phiếu hỏi.

a. *Khảo sát trang thông tin điện tử của các cơ sở giáo dục đại học về vấn đề thực hiện hoạt động đào tạo liên thông*

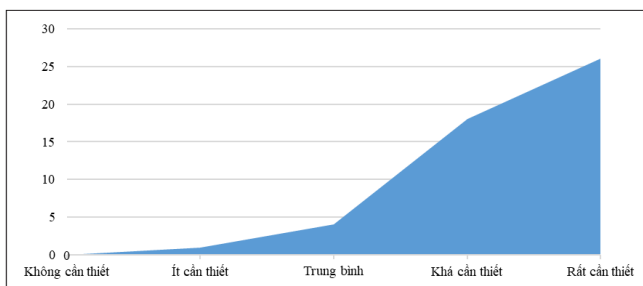
Hoạt động khảo sát nhằm tìm hiểu trên trang thông tin điện tử của các cơ sở giáo dục đại học tham gia đào tạo liên thông, có thực hiện theo các quy định, hướng dẫn về đào tạo liên thông theo Quyết định 18/2017/QĐ-TTg.

Kết quả của khảo sát này là căn cứ để thực hiện khảo sát bằng phiếu hỏi với các cơ sở giáo dục đại học về thực trạng hoạt động đào tạo liên thông được thực hiện như thế nào trong thực tiễn ở các cơ sở giáo dục đại học. Các trang thông tin điện tử được khảo sát bao gồm 224 trang thông tin điện tử (websites) của 224 cơ sở giáo dục đại học.

Kết quả khảo sát trang thông tin điện tử của các trường đại học cho thấy có số lượng lớn các cơ sở giáo dục đại học công khai việc đào tạo liên thông trên trang thông tin điện tử, bao gồm 168 cơ sở đào tạo. Trong đó có 156/168 cơ sở giáo dục đại học nêu các ngành đào tạo liên thông; 149/168 cơ sở giáo dục đại học nêu các hình thức tuyển sinh đào tạo liên thông; 148/168 cơ sở giáo dục đại học nêu các đối tượng và điều kiện được dự tuyển đào tạo liên thông; 138/168 cơ sở giáo dục đại học nêu các hình thức đào tạo liên thông; 124/168 cơ sở giáo dục đại học nêu các quy định, hướng dẫn và thông tin liên quan về đào tạo liên thông. Tuy nhiên, chỉ có 85/168 cơ sở giáo dục đại học công khai chỉ tiêu đào tạo liên thông theo từng ngành đào tạo; 32/168 cơ sở giáo dục đại học có công khai tiêu chí, quy trình và kết quả công nhận giá trị chuyển đổi, kết quả học tập được miễn trừ trước khi đào tạo liên thông; về khối lượng kiến thức, kỹ năng được miễn trừ khi đào tạo liên thông chỉ được thể hiện trên trang thông tin điện tử của 21/168 cơ sở giáo dục đại học. Tuy nhiên, các chỉ tiêu đào tạo liên thông theo từng ngành đào tạo, về tiêu chí, quy trình và kết quả công nhận giá trị chuyển đổi, kết quả học tập được miễn trừ trước khi đào tạo liên thông; về khối lượng kiến thức, kỹ năng được miễn trừ khi đào tạo liên thông của các cơ sở giáo dục đại học còn hạn chế.

b. *Khảo sát thực trạng thực hiện hoạt động đào tạo liên thông ở các cơ sở giáo dục đại học bằng phiếu hỏi*

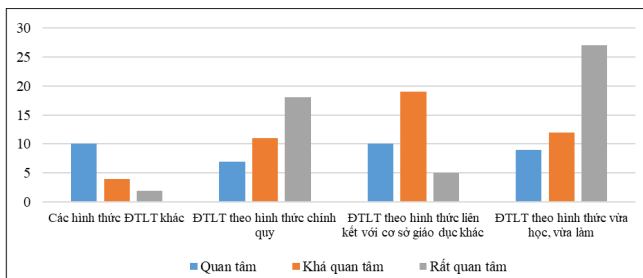
Có 49 cơ sở giáo dục đại học tham gia trả lời phiếu hỏi, trong đó có 36 cơ sở giáo dục đại học công lập (chiếm 73,5%), 13 cơ sở giáo dục đại học tư thục (chiếm 26,5%). Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết các cơ sở giáo dục đại học đều đồng ý rằng, việc đào tạo liên thông là cần thiết. Sơ đồ 1 hiện thị giá trị trung bình = 4,4 (tiệm cận mức 4, cần thiết).



Sơ đồ 1: Mức độ cần thiết của việc đào tạo liên thông

Mức độ quan tâm của người học đối với các hình thức đào tạo liên thông

Theo ý kiến các cơ sở giáo dục đại học, thông qua khảo sát, đào tạo liên thông theo hình thức vừa học, vừa làm được người học quan tâm nhất với giá trị trung bình là 4,2. Tiếp theo là hình thức đào tạo liên thông chính quy đạt mức quan tâm với giá trị trung bình là 3,9. Các hình thức đào tạo liên thông theo hình thức liên kết với cơ sở giáo dục khác đạt mức quan tâm: 3,3.



Sơ đồ 2: Mức độ quan tâm của người học đối với các hình thức đào tạo liên thông

Thông qua kết quả khảo sát (xem Sơ đồ 2), tình hình tuyển sinh đào tạo liên thông tăng nhẹ từ năm 2016 đến năm 2017 (từ 73,34% đến 74,12%) và có chiều hướng giảm mạnh từ năm 2017 đến năm 2019 (từ 74,12% năm 2017 xuống 68,05% trong năm 2019), tuy nhiên đã tăng đáng kể từ năm 2019 đến năm 2020 (từ 68,05% đến 76,81%)

Hầu hết cơ sở giáo dục đại học trả lời phiếu hỏi là đã công khai bao gồm các nội dung về đối tượng, điều kiện dự tuyển đào tạo liên thông; ngành đang đào tạo liên thông; chương trình đào tạo liên thông và việc công nhận giá trị chuyển đổi hoặc kết quả học tập được miễn trừ. 69,4% cơ sở giáo dục đại học trả lời đã công khai điều kiện tổ chức hoạt động đào tạo liên thông. Theo kết quả khảo sát, các nhóm ngành đào tạo liên thông hiện nay đang triển khai tại các cơ sở giáo dục đại học rất đa dạng, trải rộng, bao gồm các ngành được coi là thế mạnh của các cơ sở giáo dục đại học.

c. *Những khó khăn, bất cập khi triển khai các hoạt động đào tạo liên thông*

Có 32,26% các cơ sở giáo dục đại học tham gia vào khảo sát đều đồng ý rằng khó khăn, lớn nhất khi triển khai đào tạo liên thông là do giới hạn về chỉ tiêu. Một số cơ sở giáo dục đại học cho rằng, bất cập do là thực hiện

Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2017, Điều 5 quy định chỉ tiêu đào tạo liên thông không vượt quá 20%, trong khi nhu cầu học liên thông cao nhưng quy định về chỉ tiêu đào tạo liên thông lại thấp.

Một khó khăn lớn khác trong việc triển khai đào tạo liên thông được 22,58% cơ sở giáo dục đại học phản ánh là việc xác định và công nhận giá trị chuyển đổi hoặc kết quả học tập được miễn trừ. Một số cơ sở giáo dục đại học cho rằng, nguyên nhân là do việc quy định về số tín chỉ học phần hoặc tên học phần, phương thức tổ chức đào tạo ở hệ trung cấp và cao đẳng khác nhiều so với hệ đại học. Điều này gây nhiều khó khăn cho công tác tổ chức đào tạo của các cơ sở đào tạo (số lượng học viên theo học ở mỗi học phần; chi phí đào tạo;...).

“Chương trình đào tạo bậc cao đẳng không khớp với chương trình đào tạo bậc đại học nên việc công nhận kết quả học tập được miễn trừ ít khiến cho việc học liên thông tốn thời gian” (Ý kiến của một cơ sở giáo dục đại học miền Bắc).

“Quy định miễn trừ học phần đã làm cho việc tổ chức giảng dạy gặp khó khăn do số lượng sinh viên của lớp học phần thường rất ít so với quy định. Ngoài ra, việc miễn trừ này gây khó khăn trong quản lý thời khóa biểu... gây khó khăn cho quá trình tổ chức đào tạo và quản lý lớp”.

“Do có sự khác biệt rất lớn giữa chương trình đào tạo của chương trình giáo dục nghề nghiệp và chương trình giáo dục đại học nên việc miễn trừ các học phần đã học theo Quyết định 18/2017 là không khả thi và gây khó khăn cho người học” (Ý kiến của một cơ sở giáo dục đại học miền Nam).

Các cơ sở giáo dục đại học tham gia trả lời khảo sát đánh giá mức độ đáp ứng, phù hợp, hiệu quả với yêu cầu thực tiễn của các chính sách, quy định hiện hành ở mức đạt yêu cầu (3,1).

Kết quả khảo sát cho thấy, 28,13% cơ sở giáo dục đại học đề xuất điều chỉnh chính sách về quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học, 27,27% cơ sở giáo dục đại học đề xuất điều chỉnh chính sách về việc xác định và công nhận giá trị chuyển đổi hoặc kết quả học tập được miễn trừ.

Các cơ sở giáo dục đại học đề xuất được tự chủ trong việc xây dựng chương trình đào tạo cho từng cấp độ căn cứ trên chương trình đào tạo chính quy tương ứng, miễn đảm bảo và đáp ứng chuẩn đầu ra theo quy định ở trình độ đại học.

Hầu hết các cơ sở giáo dục đại học tham gia khảo sát đưa ra định hướng nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý hoạt động đào tạo liên thông bằng việc:

- Chính sửa, bổ sung, hoàn thiện các quy định, quy chế về đào tạo bao gồm cả hình thức đào tạo chính quy, vừa làm vừa học, liên thông; có cập nhật các quy định mới của Bộ, ngành có liên quan.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo liên thông bằng cách giảm chỉ tiêu đào tạo liên thông để tập trung cho đào tạo.

- Tiếp tục thực hiện kiểm định chất lượng chương

trình đào tạo các chuyên ngành nhằm xây dựng chương trình đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học và Sau đại học; Mở rộng một số ngành đào tạo liên thông; Tăng cường liên thông một số ngành, xây dựng các chương trình đào tạo liên tục theo nhu cầu xã hội, đáp ứng nhu cầu nhân lực của địa phương (Ví dụ: nhân lực về y tế).

- Làm tốt công tác tuyển sinh; quản lý chặt chẽ quá trình đào tạo, kiểm tra, đánh giá.

- Đẩy mạnh công tác thông tin quảng bá về đào tạo liên thông; tăng cường khảo sát nhu cầu liên thông đại học ở các sở ban ngành, các huyện thị, xã phường, thị trấn.

- Mở rộng đối tượng liên thông để người học ở các ngành gần có thể học chuyển đổi và đủ điều kiện liên thông, xây dựng chương trình đào tạo sang định hướng ứng dụng, tăng cường kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho người học có kiến thức chuyên sâu, đáp ứng nhu cầu việc làm của doanh nghiệp.

- Tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ giảng viên để đáp ứng nhu cầu đào tạo.

3. Kết luận

Ngày nay, việc học tập cũng như đào tạo liên thông được coi là một giải pháp để xây dựng hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, năng động. Việc chuyển giao công nghệ, áp dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật mới vào thực tiễn đòi hỏi lực lượng lao động phải có khả năng cạnh tranh và thích nghi cao. Nhu cầu mong muốn có một tương lai tốt đẹp hơn và đòi hỏi ngày càng cao của xã hội về lao động có trình độ chuyên môn - kỹ thuật cao đã và đang thúc đẩy người lao động/người học nỗ lực phấn đấu đạt trình độ cao hơn bằng con đường ngắn nhất và thuận lợi. Việc tổ chức cập nhật, nâng cao kiến thức thường xuyên đóng vai trò quan trọng trong thiết kế chương trình đào tạo liên thông của các cơ sở đào tạo phù hợp hơn với yêu cầu thực tế.

Để tiến tới triển khai các văn bản pháp quy nhằm nâng cao chất lượng việc tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo liên thông từ giáo dục nghề nghiệp lên giáo dục đại học, nhóm nghiên cứu đề xuất số biện pháp quản lý hoạt động đào tạo liên thông từ giáo dục nghề nghiệp lên giáo dục đại học tại các cơ sở đào tạo như sau:

Về chính sách chung: Cần có hành lang pháp lý cho việc triển khai hoạt động đào tạo liên thông như quy định về cấp trình độ đào tạo nghề, chuẩn kỹ năng nghề cho từng cấp trình độ, các điều kiện và nguồn lực cho việc xây dựng chương trình đào tạo liên thông từ giáo dục nghề nghiệp lên giáo dục đại học. Kết quả khảo sát của nghiên cứu cho thấy, các cơ sở giáo dục đại học đánh giá mức độ đáp ứng, phù hợp, hiệu quả với yêu cầu thực tiễn của các chính sách, quy định hiện hành ở mức đạt yêu cầu. Việc điều chỉnh và thay đổi chính sách phù hợp, trao quyền cho các cơ sở đào tạo tự chủ trong việc xây dựng, triển khai chương trình đào tạo liên thông cho từng trình độ, căn cứ trên chương trình đào tạo chính quy tương ứng, miễn là đảm bảo và đáp ứng chuẩn đầu ra theo quy định ở trình độ đại học, hướng đến nhu cầu học tập suốt đời của người học là thực sự cần thiết.

Về cơ chế chính sách giữa các cơ sở đào tạo trong đào tạo liên thông từ giáo dục nghề nghiệp - giáo dục đại học: Cần xây dựng cơ chế thỏa thuận giữa các cơ sở đào tạo (giữa các cơ sở đào tạo nghề và các cơ sở giáo dục đại học), trên nền chính sách chung về công nhận kết quả học tập của người học, chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng của các trình độ. Sự thỏa thuận này cần dựa trên nguyên tắc minh bạch, công khai, vì quyền lợi người học và tạo điều kiện tốt nhất cho người học, thông qua việc: 1) Lấy khung trình độ quốc gia Việt Nam làm chuẩn mực để rà soát, thiết kế lại các chương trình đào tạo theo hướng phát triển năng lực hành nghề và bảo đảm liên thông cho tất cả người học [6], [7]; 2) Xây dựng một khung

chương trình đào tạo chung bao gồm kế hoạch nội dung đào tạo liên thông của các cơ sở đào tạo nghề và các cơ sở giáo dục đại học; 3) Khung chương trình chung cũng sẽ thúc đẩy các cơ sở đào tạo sẵn sàng tạo điều kiện chuyển giao tín chỉ và có thể sắp xếp các khóa học phù hợp với yêu cầu người học. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, việc cung cấp các chứng chỉ đào tạo nghề và công nhận kinh nghiệm làm việc trước đây của người học tạo điều kiện cho họ hoàn thiện chương trình học bậc cử nhân là thiết thực và đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Lời cảm ơn: Bài viết là sản phẩm thuộc Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, mã số V2021.19TX.

Tài liệu tham khảo

- [1] Quốc hội, (2019), *Luật Giáo dục*, số 43/2019/QH14.
- [2] Phạm Như Nghệ, (2016), *Quản lý nhà nước về đào tạo liên thông giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu xây dựng xã hội học tập*. Luận án Tiến sĩ.
- [3] Quốc hội, (2014), *Luật Giáo dục Đại học*, số 08/2012/QH13.
- [4] Chính phủ, (2017), *Quyết định số: 18/2017/QĐ-TTg quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học*.
- [5] <http://chuongtrinhkhgd.moet.gov.vn/tintuc-sukien/Pages/tin-tuc.aspx?ItemID=4586>.
- [6] Chính phủ, (2016), *Quyết định số:1981/QĐ-TTg phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân*.
- [7] Chính phủ, (2016), *Quyết định 1982/QĐ-TTg phê duyệt Khung trình độ quốc gia*.
- [8] Quốc hội, (2014), *Luật Giáo dục Nghề nghiệp*, số 74/2014/QH13.
- [9] Chính phủ, (2021), *Quyết định 861/QĐ-TTg phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025*.
- [10] Chính phủ, (2013), *Nghị quyết Trung ương số 29-NQ/TW về Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo*.
- [11] Quốc hội, (2018), *Luật Giáo dục Đại học*, số 34/2018/QH14.

THE CURRENT STATUS OF CREDIT TRANSFER FROM VOCATIONAL EDUCATION TO HIGHER EDUCATION

Nguyen Ngoc Anh^{*1}, Pham Ngoc Duong²,
Nguyen Hoang Giang³, Nguyen Duc Ca⁴,
Hoang Thi Minh Anh⁵, Nguyen Le Hang⁶,
Nguyen Thi Huong Tra⁷

* Corresponding author

¹ Email: anhn@vnies.edu.vn

² Email: duongpn@vnies.edu.vn

³ Email: giangnh@vnies.edu.vn

⁴ Email: cand@vnies.edu.vn

⁵ Email: anhhtm@vnies.edu.vn

⁶ Email: hangnl@vnies.edu.vn

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
106 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam

⁷ Email: nthtra@cea.udn.vn

The University of Da Nang

41 Le Duan, Hai Chau, Da Nang, Vietnam

ABSTRACT: *The study outlines the definitions of credit transfer in higher education and vocational education and training, as well as the similarities and differences between these two subsystems in current legal documents. By exploring the vocational education and training pathway to higher education training of 224 higher education institutions through reviewing the information provided on these websites and also the online surveys about the actual status of the vocational education and training pathway to higher education training activities at 50 universities, the research results show the increasing demands of the vocational education and training pathway to higher education training courses, and the in-service mode seems preferable. However, one of the challenges in the vocational education and training pathway to higher education is the identification of prior learning recognition and exempted learning outcomes by those seeking to participate in the training. The paper goes on to recommend that more research be conducted to assess the impact of vocational education and training pathways on higher education policies in practice so as to propose appropriate policy development to meet the needs of lifelong learning as well as the criteria for ensuring educational quality.*

KEYWORDS: Credit transfer, credit-transfer training, vocational education, higher education, policy development.